

BỘ CÔNG AN - BỘ NGOẠI GIAO

BỘ CÔNG AN - BỘ NGOẠI GIAO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2012/TTLT-BCA-BNG

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT-BCA-BNG ngày 29/01/2002 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 12/5/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/12/2010 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thống nhất như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT-BCA-BNG ngày 29/01/2002 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Sửa đổi khoản 2 Mục I như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “công văn đề nghị” tại dòng thứ ba điểm a thành cụm từ “văn bản đề nghị kiểm tra, xét duyệt nhân sự cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo mẫu N2 ban hành kèm theo Thông tư này”;

b) Sửa đổi cụm từ “nộp đơn” tại dòng thứ nhất điểm b thành cụm từ “nộp đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh theo mẫu N3 ban hành kèm theo Thông tư này”.

2. Sửa đổi cụm từ “đơn (theo mẫu quy định)” tại dòng thứ hai, điểm a khoản 1 Mục II thành cụm từ “Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam theo mẫu N1 ban hành kèm theo Thông tư này”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục IV như sau:

a) Sửa đổi cụm từ “văn bản đề nghị” tại dòng thứ tư điểm a và dòng thứ tư điểm b thành cụm từ “tờ khai đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung thị thực và gia hạn tạm trú theo mẫu N5 ban hành kèm theo Thông tư này”.

b) Sửa đổi nội dung tại điểm d như sau:

Người nước ngoài đề nghị cấp thẻ tạm trú nộp 01 bộ hồ sơ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh). Hồ sơ đề nghị cấp thẻ tạm trú gồm các loại giấy tờ sau:

+ Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N7A; bản khai thông tin về người nước ngoài đề nghị cấp thẻ tạm trú theo mẫu N7B ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Hộ chiếu của người xin cấp thẻ tạm trú;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc diện xem xét cấp thẻ tạm trú là một trong các loại giấy tờ như: giấy phép lao động, giấy xác nhận là Trưởng Văn phòng đại diện, thành viên Hội đồng quản trị hoặc các giấy tờ khác có giá trị chứng minh đủ điều kiện cấp thẻ tạm trú.

- Thẻ tạm trú được cấp riêng cho từng người theo mẫu N8 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sửa đổi, bổ sung Mục VI và Mục VII như sau:

“VI. Thủ tục cấp thẻ thường trú

1. Người nước ngoài thuộc diện quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu thường trú tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ và làm thủ tục tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an. Hồ sơ xin thường trú tại Việt Nam gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin thường trú theo mẫu N9A; bản tự khai lý lịch theo mẫu N9B ban hành kèm theo Thông tư này;

- 04 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.

- Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu);

- Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người xin thường trú và Công an cấp tỉnh nơi người đó xin thường trú biết quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Công an cấp tỉnh chỉ đạo Phòng Quản lý

xuất nhập cảnh cấp thẻ thường trú sau khi nhận được thông báo về quyết định đồng ý cho thường trú của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người nước ngoài thuộc diện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ và làm thủ tục xin thường trú ở Việt Nam tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi xin thường trú.

a) Hồ sơ xin thường trú gồm các loại giấy tờ sau:

- Đơn xin thường trú theo mẫu N9A ban hành kèm theo Thông tư này;
- 04 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.
- Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân hoặc của nước mà người đó thường trú cấp;
- Công hàm của cơ quan đại diện của nước mà người đó là công dân;
- Giấy bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài xin thường trú ở Việt Nam theo mẫu N10 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Giấy tờ chứng minh là vợ, chồng, con, cha, mẹ của công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam;
- Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu);
- Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Các giấy tờ nêu trong hồ sơ (trừ giấy bảo lãnh và hộ chiếu) phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

c) Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định. Trường hợp xét thấy cần phải thẩm tra bổ sung thì thời gian trên có thể kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng.

d) Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người xin thường trú và Công an cấp tỉnh nơi người đó xin thường trú biết về quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an. Công an cấp tỉnh chỉ đạo Phòng Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ thường trú trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về quyết định đồng ý cho thường trú của Bộ trưởng Bộ Công an.

đ) Thẻ thường trú được cấp riêng cho từng người theo mẫu N11 ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, người nước ngoài được chấp thuận cho thường trú ở Việt Nam phải đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh nơi thường trú để nhận thẻ thường trú.

Quá thời hạn nêu trên, người được chấp thuận cho thường trú không đến nhận thẻ mà không có lý do chính đáng thì thẻ thường trú mặc nhiên hết giá trị.

VII. Thủ tục cấp đổi thẻ thường trú

- Định kỳ 03 năm một lần, người được cấp thẻ thường trú phải có mặt tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú để làm thủ tục cấp đổi thẻ thường trú. Việc xin cấp đổi thẻ thường trú được thực hiện trong thời hạn 90 ngày tính đến ngày phải có mặt. Người xin cấp đổi thẻ thường trú nộp 01 bộ hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

+ 01 tờ khai cấp lại thẻ thường trú theo mẫu N9C ban hành kèm theo Thông tư này;

+ 02 ảnh mới chụp, cỡ 3 x 4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.

+ Thẻ thường trú;

+ Bản chụp hộ chiếu (xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu).

- Trường hợp chưa hết thời hạn 03 năm (tính từ ngày cấp thẻ), người được cấp thẻ có nhu cầu thay đổi nội dung ghi trong thẻ thường trú thì nộp hồ sơ và làm thủ tục như xin cấp đổi thẻ thường trú.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp đổi thẻ thường trú, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, quyết định. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh cấp thẻ mới trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 12/5/2009 hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Việt Nam

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục III như sau:

Ban hành kèm theo Thông tư này mẫu đơn đề nghị về Việt Nam thường trú dùng cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (mẫu TT01).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

Trung tướng Tô Lâm

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Sơn

Mẫu (Form) N1

Ảnh - photo
in 4x6 cm
(1)
See note

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM
Application for a Vietnamese Visa

- 1- Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
Tên khác (nếu có):
Other name (if any)
- 2- Sinh ngày tháng năm 3- Giới tính: Nam Nữ
Date of birth (day, month, year) Sex Male Female
- 4- Nơi sinh :
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc : 6- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 7- Tôn giáo:
Religion
- 8- Nghề nghiệp: 9- Nơi làm việc :
Current occupation/Profession Employer and employer's address
- 10- Địa chỉ thường trú:
Home address (Permanent address)
..... Số điện thoại/Email:
Telephone/Email
- 11- Thân nhân (Family members):

Quan hệ <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Địa chỉ thường trú <i>Permanent address</i>
Bố (Father)				
Mẹ (Mother)				
Vợ/ chồng (Spouse)				
Con (Children)				
Con (Children)				

- 12- Hộ chiếu số/ giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu số: loại (2):
Number of passport/ Document in lieu of a passport Type of passport
Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày
Issuing authority: Expiry date (day, month, year)
- 13- Ngày nhập xuất cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):
Date of the latest entry into Viet Nam (if any)
- 14- Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày; tạm trú ở Việt Nam ngày
Proposed date of entry: Proposed length of stay in Viet Nam: days
- 15- Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
- 16- Dự kiến địa chỉ tạm trú:
Proposed temporary address in Viet Nam

17- Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh (nếu có):

Hosting organization or individual in Viet Nam (if any)

- Cơ quan, tổ chức: tên

Name of hosting organization

Địa chỉ:

Address

- Cá nhân: họ tên

Hosting individual (full name)

Địa chỉ.....

Address

Quan hệ với bản thân

Relationship to the applicant

18- Người dưới 14 tuổi đi cùng (nếu có):

Accompanying child(ren) under 14 years old (if any)

Ảnh - photo
in 4x6 cm
(under 14 years
old)
(1)
See note

Ảnh - photo
in 4x6 cm
(under 14 years
old)
(1)
See note

Số TT <i>Items</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Số hộ chiếu <i>Passport number</i>	Quan hệ với bản thân <i>Relationship to the applicant</i>

19- Đề nghị cấp thị thực: một lần nhiều lần

Entries requested: Single Multiple

20- Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):.....

Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật.

I swear that the above declarations are true and correct to the best of my knowledge and belief.

Làm tại: ngày thángnăm

Done at date (day, month, year)

Người đề nghị ký, ghi rõ họ tên

Signature and full name of the applicant

Ghi chú/Note:

(1) Mỗi người khai 01 bản, dán ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu.
Each applicant completes one form, stick a recent (4x6) photo on a white background, straight looking, without hat or sunglasses.

(2) Nếu là hộ chiếu thì ghi rõ phổ thông, công vụ hay ngoại giao; nếu là giấy tờ thay hộ chiếu thì ghi rõ tên giấy tờ đó.

If document is a passport, please specify its type: Ordinary, Official/Service or Diplomatic; for document in lieu of passport, please specify its name.

Mẫu N2**Tên cơ quan/ tổ chức**

..... ngày..... tháng..... năm

Trụ sở tại:**Điện thoại:**

Số :

V/v nhập cảnh của

khách nước ngoài

Kính gửi: CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)

(Cơ quan, tổ chức)..... đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét việc nhập cảnh của khách nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ và tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ hoặc nghề nghiệp
				Gốc	Hiện nay		

Được nhập xuất cảnh Việt Nam lần, từ ngày/...../ đến ngày...../..... /

Với mục đích:.....

Chương trình hoạt động tại các địa phương:.....

Dự kiến địa chỉ tạm trú tại:.....

Cơ quan, tổ chức đón tiếp, quản lý:

Đề nghị Cục Quản lý XNC: (1)

- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại nước để cấp thị thực.

- Giải quyết cho khách nhận thị thực tại cửa khẩu lý do

- Vấn đề khác (nếu có)

Nơi nhận:**Thủ trưởng cơ quan/tổ chức**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Mục nào không ghi thì gạch chéo (/) ở phần chừa trống.

(2) Trường hợp khách thuộc diện miễn thị thực theo quy định, thì mục này ghi "khách được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam".

Mẫu (Form) N3**ĐƠN BẢO LÃNH CHO THÂN NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH (1)**
VISA SPONSORING APPLICATION FOR FAMILY MEMBERS' VISIT**I- Người bảo lãnh (Details of the sponsor)**

- 1- Họ và tên (chữ in hoa):..... 2- Giới tính: Nam Nữ
Full name (in capital letters) Sex Male Female
- 3- Sinh ngày..... tháng..... năm..... 4- Quốc tịch hiện nay:
Date of birth (day, month, year) Current Nationality
- 5- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú số:
Identity Card/ Passport/Permanent Resident Card number
 Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....
Issue date Issuing authority
- 6- Nghề nghiệp: 7- Nơi làm việc:
Current occupation/profession Employer and employer's address
- 8- Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam: (2).....
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
- 9- Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email:

II- Người nước ngoài được bảo lãnh (Detail of the sponsored visa applicant):

Họ và tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i> Giới tính(Sex)	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch (Nationality)		Số hộ chiếu <i>Passport number</i>	Nghề nghiệp <i>Current occupation/ profession</i>	Quan hệ với người bảo lãnh <i>Relationship to the sponsor</i>
		Gốc (At birth)	Hiện nay (Current)			

III- Đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh (Detailed requests to Immigration Department):

- 1- Giải quyết cho những người có tên ở Mục II trên nhập xuất cảnh Việt Nam một lần hoặc nhiều lần từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

To grant an single entry or multiple entries permission to Viet Nam for people listed in Part II, with a proposed length of stay from / / (day, month, year) to / / (day, month, year)

- 2- Mục đích/ Purpose of entry:

- 3- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:

Proposed temporary address in Viet Nam

4- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại nước:..... để cấp thị thực.

To notify the Vietnamese Embassy/Consulate at..... in (country) for visa issuance

5- Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu (nếu có yêu cầu):

To grant permission to pick up visa upon arrival at the Checking point (if it's requested)

Lý do/Reason:

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật.

I swear that the above declarations on this form are true and correct to the best of my knowledge and belief.

Xác nhận (Certified by)(3)
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and seal

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Done at date (day, month, year)
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor (signature and full name)

Ghi chú/Note:

(1) Mẫu này dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam từ 6 tháng trở lên có nhu cầu mời, bảo lãnh cho người nước ngoài (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) nhập cảnh thăm thân. Mỗi người kê khai 1 bản gửi trực tiếp đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

This form is used by Vietnamese permanent citizens and foreigners being a permanent resident or granted a length of stay exceeding six months in Viet Nam to lodge application for entry into Viet Nam for his/her sponsored family members(father, mother, spouse, children, brother, sister). To apply, please submit a completed form in person at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Công dân Việt Nam và người nước ngoài thường trú thì ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài tạm trú thì ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese permanent residents and permanent resident foreigners, please state the permanent residential address in Viet Nam; for temporary resident foreigners, please state the temporary residential address.

(3) - Nếu người bảo lãnh là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài thường trú thì phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi người đó thường trú.

If the sponsor is a Vietnamese permanent residents or a permanent resident foreigner, certification from the People's Committee of the local Ward/Commune where he/she resides is required.

- Nếu người bảo lãnh là người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc, học tập.

If the sponsor is a temporary resident foreigner in Viet Nam, the certification from his/her local employer or receiving agency/organization is required.

Mẫu (Form) N5

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
Application for visa issuance, replacement, modification, or stay extension
 (Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
To be completed by temporary resident foreigner in Viet Nam

1- Người đề nghị/Details of the applicant:

Họ tên (chữ in hoa): Giới tính: Nam Nữ
Full name (in capital letters) Sex Male Female
 Sinh ngày tháng năm Quốc tịch:
Date of birth (day, month, year) Current Nationality
 Hộ chiếu số: có giá trị đến ngày/...../..... Nghề nghiệp:
Passport number Expiry date (day, month, year) Current Occupation/Profession
 Ngày nhập cảnh Việt Nam:/...../..... Mục đích nhập cảnh:
Date of latest entry into Viet Nam Purpose of entry
 Địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Current residential address in Viet Nam
 Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/email

2- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:

Details of the hosting organization/employer or individual in Viet Nam

2.1. Cơ quan, tổ chức: tên/Name of the hosting organization/employer
 Địa chỉ/ Address
 Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email

2.2. Thân nhân bảo lãnh (họ tên): Ngày sinh:/...../.....
Sponsoring family member (full name) Date of birth (day, month, year)
 Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú số:
Number of Identity card/Passport/ Permanent Residence Card
 Cấp ngày/Date of issue: Cơ quan cấp/Issuing authority:
 Quan hệ với người được đề nghị/Relationship to the applicant
 Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:
Permanent/ temporary residential address in Viet Nam
 Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email.....

3- Nội dung đề nghị (điền vào 01 trong 03 nội dung sau) /Details of request (please complete 01 of the 03 following appropriate items):

3.1. Cấp thị thực: một lần nhiều lần có giá trị đến ngày:/...../.....
Visa requested Single Multiple Valid to (day, month, year)
 3.2. Bổ sung, sửa đổi thị thực/Visa modified as:.....
 3.3. Gia hạn tạm trú đến ngày/Extension of stay to the date (day, month, year):/...../.....
 - Lý do/Reasons for the request:

4- Những điều cần trình bày thêm/Additional explanations:

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Done at date (day, month, year)

Xác nhận (2)/Certified by	Người bảo lãnh/The sponsor	Người đề nghị/The applicant
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
<i>Signature, full name, title and seal</i>	<i>Signature and full name</i>	<i>Signature and full name</i>

Ghi chú/Note for (1), (2):

(1) Mỗi người khai 01 bản, kèm hộ chiếu gửi trực tiếp đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

(To apply, please submit in person 01 completed application form enclosed with your passport at the Immigration Office).

(2) Xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh đối với trường hợp do cơ quan, tổ chức bảo lãnh. Xác nhận của Trưởng công an phường, xã nơi người bảo lãnh thường trú trong trường hợp cá nhân bảo lãnh.

(Certified by the head of the hosting organization/employer of the applicant if the host is an organization/employer. Certified by the Chief Police of the Ward/Commune where the sponsor resides if the host is an individual.)

Mẫu N7A**Tên cơ quan/tổ chức**

....., ngày tháng năm

Trụ sở tại:**Điện thoại:**

Số:

Đề nghị cấp thẻ tạm trú
cho người nước ngoài

Kính gửi:

Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài sau đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Công việc đảm nhận

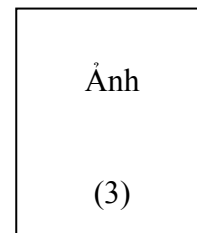
(thông tin chi tiết từng người kèm theo)

Nơi nhận:**Thủ trưởng cơ quan/tổ chức**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu N7B

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)**

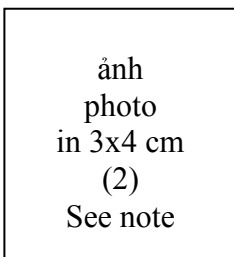
(kèm theo Công văn số ngày ../.../.....
của) (2)



- 1- Họ và tên (viết chữ in hoa):.....
- 2- Sinh ngày tháng năm 3- Giới tính: nam nữ
- 4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:
- 6- Tôn giáo: 7- Nghề nghiệp:
- 8- Chức vụ:
- 9- Hộ chiếu/ giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu số:
loại (4):
cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:
- 10- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam:
- Địa chỉ cư trú:
- Nơi làm việc:.....
- 11- Nhập cảnh Việt Nam ngày: với mục đích
- 12- Đã được phép tạm trú đến ngày:
- 13- Địa chỉ đang tạm trú và làm việc ở Việt Nam:
- Địa chỉ tạm trú:
- Làm việc với cơ quan/ tổ chức:.....
Địa chỉ:.....
- 14- Đề nghị cấp thẻ tạm trú:
- Thời hạn từ ngày: đến ngày:
- Địa chỉ tạm trú:
- Mục đích tạm trú (5):
- + Làm việc với cơ quan/tổ chức:
- Địa chỉ:
- + Sống cùng ông/bà: quan hệ.....

Ghi chú(1),(2),(3),(4),(5):

- (1) Đóng dấu treo của cơ quan/ tổ chức vào phía trái bên cạnh tiêu đề này
- (2) Công văn theo mẫu N5A
- (3) Dán 01 ảnh mới chụp, cỡ 3x4 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, có đóng dấu giáp lai của cơ quan/tổ chức đề nghị cấp thẻ tạm trú; kèm theo 01 ảnh rời cùng kiểu để cấp thẻ
- (4) Nếu là hộ chiếu thì ghi rõ phổ thông, công vụ hay ngoại giao; nếu là giấy tờ thay hộ chiếu thì ghi rõ tên giấy tờ đó.
- (5) Nộp kèm giấy tờ chứng minh mục đích ở lại Việt Nam (tùy trường hợp mà nộp giấy tờ thích hợp như: giấy phép lao động; quyết định bổ nhiệm chức danh trong doanh nghiệp; người thuộc biên chế Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam; giấy đăng ký kết hôn; giấy khai sinh).



Mẫu (Form) N9A

ĐƠN XIN THƯỜNG TRÚ
APPLICATION FOR PERMANENT RESIDENT STATUS
(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
To be completed by temporary resident foreigner in Viet Nam

Kính gửi/Attention to: (1)

- 1- Họ và tên (viết chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ và tên khác (nếu có):
Other name (if any)
- 2- Sinh ngày..... tháng năm.....
Date of birth (day, month, year)
- 3- Giới tính: nam nữ
Sex Male Female
- 4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:
Nationality at birth Current nationality
- 6- Tôn giáo:
Religion
- 7- Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu số:
Number of passport or other document in lieu of passport
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày...../...../.....
Issuing authority Expiry date (day, month, year)
- 8- Nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi đến Việt Nam:
Profession/Occupation, employer and employer's address before coming to Viet Nam
- Nghề nghiệp:
Occupation/Profession
- Nơi làm việc:
Employer and employer's address
- 9- Mức thu nhập hiện nay (tính theo đồng Việt Nam/ tháng):
Current income (in Vietnamese Dong/ per month)
- 10- Trình độ:
Qualifications
- Học vấn (bằng cấp, học vị):
Education (degree/ academic certificate)
- Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc):
Profesional skills (field, level)
- 11- Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... được tạm trú đến ngày...../...../.....
Latest entry date into Viet Nam Permitted temporary stay until
- 12- Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry

13- Xin thường trú tại địa chỉ:.....

Apply for permanent residence at proposed address:

Lý do, mục đích:

Reason and purpose for the application

14- Khả năng bảo đảm cuộc sống nếu được phép thường trú tại Việt Nam: (3)

Ability to make an independent living) if permanent residency in Viet Nam granted):

a. Về nhà ở: Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà

Resident house Provided by, or residing at the same accommodation owned by the sponsor

Người thường trú tự mua, thuê

Owned or rent by the applicant

b. Về nguồn sống thường xuyên:

Stable financial support for living

Người bảo lãnh cung cấp tài chính hoặc nuôi dưỡng

Provided by sponsor

Người thường trú tự túc

Self-provided by the applicant

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật.

I swear that all above declarations on this form are true and correct to the best of my knowledge and belief.

Làm tại ngày..... tháng..... năm.....
Done at date (day, month, year)

Người làm đơn ký, ghi rõ họ tên

(Signature and full name)

Ghi chú *Note on the mark:*

(1) Trường hợp người xin thường trú là vợ, chồng, con, cha, mẹ của công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, thì gửi đơn này và hồ sơ xin thường trú đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi người đó xin thường trú. Các trường hợp khác, gửi đơn và hồ sơ xin thường trú đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

In case the applicant is a spouse, child(ren), parent of a Vietnamese permanent resident, please lodge an application file at the Immigration Office of the local Province/City where he/she applies for permanent residence. For other cases, lodge an application file at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Dán ảnh mới chụp, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, kèm theo 03 ảnh rời để cấp thẻ.
Please stick a recent photo on a white background, straight looking, without hat or sun glasses, and attach with 03 additional photos.

(3) Thuộc trường hợp nào thì gạch chéo vào ô trống; nộp giấy tờ kèm theo để chứng minh các chi tiết kê khai ở mục này.

Please put a cross (x) in the appropriate box(es) and provide supporting documents.

Mẫu (Form) N9B

BẢN TỰ KHAI LÝ LỊCH (1)
CURRICULUM VITAE

(Dùng cho người nước ngoài xin thường trú)

(To be completed by temporary resident foreigner when applying for permanent residency)

- 1- Họ và tên (viết chữ in hoa): 2- Giới tính: nam nữ
Full name (in capital letters) Sex Male Female
- 3- Sinh ngày tháng năm 4- Quốc tịch:
Date of birth (day, month, year) Current nationality
- 5- Nơi sinh:
Place of birth
- 6- Dân tộc: 7- Tôn giáo:
Ethnicity Religion
- 8- Địa chỉ ở nước ngoài trước khi đến Việt Nam:
Home country address before coming to Viet Nam
- 9- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam: số nhà: đường/phố/thôn
Current temporary residential address in Viet Nam (No.) street, road/village
 phường/xã
ward/commune
 quận/huyện thành phố/tỉnh
district city/province
- 10- Nghề nghiệp:
Current occupation/profession
- 11- Nơi làm việc: Tên cơ quan/ tổ chức
Employer (institution/organization)
 Địa chỉ:
Employer's address
 Điện thoại/Email (Telephone No./Email):
- 12- Trình độ:
Qualifications
- Học vấn (bằng cấp, học vị):
Education (degree/academic certificate)
 - Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc):
Professional skill (field, level)
 - Trình độ tiếng Việt (nói, nghe, đọc, viết):
Vietnamese language skills (speaking, listening, reading, writing)
- 13- Quá trình hoạt động của bản thân (tóm tắt từ lúc 18 tuổi đến nay, từng thời gian làm gì, ở đâu):
Personal history in brief, from the age of 18 to present (what did you do? where did you reside?)
-
-
-
-
-

.....

Tham gia tổ chức chính trị, xã hội (*tên tổ chức, ngày tham gia, chức vụ hoặc chức danh trong tổ chức*):.....

Participation in political party or social organization affiliation (name, date of your membership, your position or title in the party/organization)

.....

14- Quan hệ gia đình/*Family members*

- Cha: Họ tênsinh ngày..... tháng năm
Father (full name) Date of birth (day, month, year)

Quốc tịch (*Nationality*): Nghề nghiệp (*Occupation/Profession*):

Chỗ ở hiện nay (*Current residential address*):

- Mẹ: Họ tênsinh ngày..... tháng năm
Mother (full name) Date of birth (day, month, year)

Quốc tịch (*Nationality*): Nghề nghiệp (*Occupation/Profession*):

Chỗ ở hiện nay (*Current residential address*):

- Vợ/chồng: Họ tênsinh ngày..... tháng..... năm
Spouse (full name) Date of birth (day, month, year)

Quốc tịch (*Nationality*): Nghề nghiệp (*Occupation/Profession*):

Chỗ ở hiện nay (*Current residential address*):

- Con (*Children*):

Số TT <i>Items</i>	Họ tên - Giới tính <i>Full name - Sex</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation/Profession</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

- Anh chị em ruột (*Brothers/sisters*):

Số TT <i>Items</i>	Họ tên - Giới tính <i>Full name - Sex</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation/ Profession</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên là đúng sự thật./.

I swear that the above statements are true and correct to the best of my knowledge and belief./.

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm

Done at date (day, month, year)

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Signature and full name

Ghi chú *Note on the mark (1):*

Bản tự khai lý lịch phải kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp (bản chính) do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người xin thường trú là công dân cấp. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước khác trước khi đến Việt Nam, thì phải có thêm Phiếu lý lịch tư pháp (bản chính) do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó đang thường trú cấp.

This curriculum vitae must be enclosed with a criminal antecedent record/police check (original) of the applicant issued by the relevant authority of the country of which the applicant is a citizen. If the applicant is a permanent resident of another country which is not his/her home country before coming to Viet Nam, the curriculum vitae must also be enclosed with a criminal antecedent record/police check (original), issued by the relevant authority of the country where the applicant is permanently residing.

Mẫu (Form) N9C**TỜ KHAI CẤP LẠI THẺ THƯỜNG TRÚ**

APPLICATION FOR RENEWAL/REPLACEMENT OF A PERMANENT RESIDENT CARD

(Dùng cho người nước ngoài đã được phép thường trú)

(To be completed by permanent resident foreigner in Viet Nam)

ảnh
pho to in
3x4 cm
(1)
See note

- 1- Họ và tên (viết chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ và tên khác (nếu có):
Other names (if any)
- 2- Sinh ngày tháng năm..... 3. Giới tính: Nam Nữ
Date of birth (day, month, year) *Sex Male Female*
- 4- Nơi sinh.....
Place of birth:
- 5- Quốc tịch gốc: 6- Quốc tịch hiện nay :
Nationality at birth Current nationality
- 7- Nghề nghiệp:
Current occupation/Profession
- 8- Nơi làm việc: Tên cơ quan/ tổ chức
Employer (institution/organization)
Địa chỉ:
Employer's address
Điện thoại/Email (Telephone number/Email):
- 9- Nơi thường trú:
Permanent residential address
số nhà..... đường/phố/thôn.....
No. road, street/ village
phường/xã..... quận/huyện
ward/Commune district
thành phố/tỉnh..... Điện thoại/Email:.....
city/Province Telephone number/Email
- 10- Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu số:.....
Number of passport or other document in lieu of a passport
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày..... tháng năm.....
Issuing authority Expiry date (day, month, year)
- 11- Giấy chứng nhận thường trú/ thẻ thường trú số:
Number of permanent residence certificate/ card
Cơ quan cấp:..... ngày cấp:
Issuing authority Date of issue (day, month, year)

12- Quan hệ gia đình
Family members

Quan hệ <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Current Occupation/ Profession</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>
Cha <i>Father</i>					
Mẹ <i>Mother</i>					
Vợ/Chồng <i>Spouse</i>					
Con <i>Children</i>					
Anh, chị, em ruột <i>Brother/sister</i>					

13- Đề nghị (*details requested*):

+ Đổi thẻ thường trú: *see note (2)*
Renewal

+ Cập lại thẻ thường trú - lý do: Bị mất Bị hỏng Lý do khác:
Replacement (state the reason) Lost Destroyed Other reasons:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật.

I swear that the above declarations are true and correct to my best of my knowledge and belief.

Xác nhận của UBND phường, xã Làm tại..... ngàytháng năm
nơi người nước ngoài thường trú (3) *Done at* *date (day, month, year)*
Certified by the People's Committee of **Người làm đơn ký, ghi rõ họ tên**
the Ward/Commune where the applicant resides *Signature and full name of the applicant*

Ghi chú *Notes on mark:*

(1) Dán ảnh mới chụp, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu; sau khi dán đóng dấu giáp lai của UBND phường, xã và kèm theo 03 ảnh rời để cấp thẻ.

Please stick a recent photo on white background, straight looking face, without hat or sun glasses, with a certified seal by the People's Committee of the Ward/ Commune and enclose 03 copies of same photo.

(2) Theo quy định của pháp luật: cứ 3 năm 1 lần người nước ngoài thường trú phải đến cơ quan quản lý XNC và làm thủ tục đổi thẻ thường trú.

Pursuant to the regulations: Every 3 years the permanent resident foreigner must apply in person for a replacement of permanent resident card at the Immigration Office

(3) Chủ tịch UBND phường, xã ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh. Nếu không đồng ý với điểm nào từ mục 6 đến mục 11 trong tờ khai này, thì ghi rõ lý do.

The Chairman of the People's Committee of the Ward/ Commune certifies with his/her signature, seal, full name and title. Any disagreements with any item from 6 to 11 of this form must be clearly stated

Mẫu N10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BẢO LÃNH

CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM (1)

I- NGƯỜI BẢO LÃNH

- 1- Họ và tên:.....
- 2- Sinh ngày.....tháng..... năm 3- Giới tính: nam nữ
- 4- Địa chỉ thường trú (ghi theo sổ hộ khẩu).....
- 5- Giấy chứng minh nhân dân số:
cấp ngày: cơ quan cấp:
- 6- Nghề nghiệp: Nơi làm việc hiện nay:

II- NGƯỜI ĐƯỢC BẢO LÃNH

Số TT	Họ và tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Nghề nghiệp	Quan hệ với người bảo lãnh

III- NỘI DUNG BẢO LÃNH

1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được thường trú tại địa chỉ:

- 2- Đảm bảo về cuộc sống cho thân nhân sau khi được thường trú (2)
- a) Về nhà ở: Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà
Người được bảo lãnh tự mua
- b) Về nguồn sống thường xuyên:
Người bảo lãnh cung cấp tài chính để nuôi dưỡng
Người được bảo lãnh tự túc

Tôi xin cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật.

Xác nhận của UBND phường, xã *Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....*
nơi người bảo lãnh thường trú (3) **Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)**

Ghi chú (1), (2), (3):

- (1) Mỗi người làm 2 bản gửi kèm đơn xin thường trú (mẫu N7).
- (2) Tại khoản 2 Mục III, người bảo lãnh chọn cách nào thì gạch chéo vào ô tương ứng và nộp kèm theo giấy tờ chứng minh về việc đó. Cụ thể như sau:
+ Nếu gạch ô ở điểm a, thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh đã có nhà ở hợp pháp hoặc có nguồn tài chính hợp pháp để đảm bảo sẽ có nhà ở cho người được bảo lãnh.
+ Nếu gạch ô ở điểm b, thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh người bảo lãnh có khả năng cung cấp tài chính để nuôi dưỡng thường xuyên người được bảo lãnh, hoặc nộp giấy tờ tương trình và chứng minh người được bảo lãnh có khả năng tự đảm bảo cuộc sống sau khi được phép thường trú.
- (3) Chủ tịch UBND phường, xã ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh. Nếu không đồng ý với điểm nào ghi tại Mục I của tờ bảo lãnh này thì cần ghi rõ lý do.

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1. Người mang thẻ này được miễn thị thực Việt Nam.
2. Người mang thẻ này phải:
 - Xuất trình thẻ khi nhà chức trách yêu cầu.
 - Bảo quản, giữ gìn thẻ cẩn thận.
 - Làm thủ tục xin cấp thẻ mới nếu có nhu cầu thay đổi nội dung ghi trong thẻ.
 - Có văn bản trình báo ngay với cơ quan cấp thẻ khi thẻ bị hư hỏng, thất lạc.
 - Định kỳ 3 năm kể từ ngày cấp, trực tiếp đến cơ quan cấp thẻ để đổi thẻ mới.
3. Nghiêm cấm các hành vi: làm giả, tẩy xóa, sửa chữa, mua bán, cho người khác mượn và sử dụng thẻ.

IMPORTANT INFORMATION

1. *The holder of this card does not require a Vietnamese visa.*
2. *The cardholder must:*
 - *Show the card to the authorities on request.*
 - *Keep this card carefully.*
 - *Apply for a new card if any change or alteration of its particulars is required.*
 - *Immediately report in writing to the issuing office in case of damage or loss of the card.*
 - *Apply in person at the issuing office for a replacement of the card every three years since it is issued.*
3. *Any case of forgery, unofficial alteration, mutilation or sale of this card is strictly prohibited, as is its lending for unlawful use.*

N11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

THẺ THƯỜNG TRÚ
PERMANENT RESIDENCE CARD

Số (No):.....(1)

Công an tỉnh/ TP cấp cho:
Issued by the Public Security of Province/City to

3x4 cm

Họ tên.....

Full name Giới tính (Sex): nam (M) ☐ nữ (F) ☐

Sinh ngày.....tháng năm

Date of birth (day, month, year)

Mang hộ chiếu của (Holding the passport of):.....

Số (Passport number):.....

Thường trú tại:.....

Is permitted to reside permanently at

Cấp ngày..... tháng..... năm

Date of issue (day, month, year)

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ XNC

Chief of Immigration Office

Thuyết minh:

*(1): Bao gồm mã số và ký hiệu cho từng loại đối tượng được cấp thẻ thường trú. Ký hiệu thẻ ghi cụ thể như sau:

- ĐB: + Cấp cho người đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì dân chủ và hòa bình hoặc vì sự nghiệp khoa học mà bị bức hại;

+ Cấp cho người có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

- BL: cấp cho người có vợ, chồng, con, cha, mẹ là công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam.

- NK: Cấp cho người được phép thường trú mà không cần thủ tục bảo lãnh.

* + Kích thước thẻ bằng kích thước hộ chiếu.

+ Có vân nền màu vàng nhạt, ở giữa có hình quốc huy chim.

+ Khi in có kỹ thuật bảo vệ.

15- Họ tên, năm sinh, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc, chỗ ở hiện nay của cha, mẹ, vợ, chồng, con:

.....

16- Lý do, mục đích đề nghị về Việt Nam thường trú:

17- Địa chỉ đề nghị đăng ký thường trú tại Việt Nam:

18- Giấy tờ chứng minh có nhà ở hợp pháp tại địa chỉ đề nghị đăng ký thường trú (*theo quy định tại điểm 5, khoản A, Mục II của Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG*):

.....

19- Trường hợp đề nghị về thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương phải kèm theo giấy tờ chứng minh đủ điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương (*theo quy định tại điểm 6, khoản A, Mục II của Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG*):

.....

20- Trường hợp đề nghị về đăng ký thường trú tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam và hoạt động tôn giáo thì phải kèm theo các giấy tờ theo quy định của pháp luật Việt Nam (*quy định tại điểm 7 khoản A, Mục II của Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG*):

.....

21- Trẻ em dưới 14 tuổi cùng về thường trú (*họ tên, ngày sinh, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, quan hệ với bản thân*):

.....

Ảnh
 4 x 6cm
 (của trẻ em
 đi cùng)

Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật

Làm tại....., ngày tháng năm 201...

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Kèm theo 03 ảnh mới chụp cỡ 4 x 6 cm phong nền trắng, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, hai ảnh dán vào 02 bộ hồ sơ, 01 ảnh để rời. Trường hợp trẻ em khai cùng trong đơn thì dán ảnh vào góc bên trái dưới đơn, ghi rõ họ tên phía sau ảnh.